TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 22//5/2018.
V/v: Kiện đòi tiền cho vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Lan Hương;
+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Dũng;
Ông Vũ Xuân Hải.
Thư ký phiên tòa: ông Thái Hùng Dũng.
Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên toà: Bà Trần Ngọc Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLST- DS ngày 16/10/2017; về việc "Kiện đòi tiền cho vay"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST - DS, ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên đơn: anh ĐGN, sinh năm 1975.

Đăng ký hộ khẩu thường trú (HKTT) và cư trú tại: thôn CĐ, xã AB, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình (Có mặt).

[2]. Bị đơn: chị NTTD (NTD), sinh năm 1969; đăng ký HKTT và cư trú tại: SN 47, K1, thị trấn CN - Lạc Thủy - Hòa Bình (Vắng mặt).

Chị D và anh N đều đang công tác tại: Trường PTTH LT C (địa chỉ: CĐ - AB - Lạc Thủy - Hòa Bình).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo Đơn khởi kiện, bổ sung khởi kiện, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ĐGN trình bày:

Do có mối quan hệ là đồng nghiệp, ngày 20/3/2017, anh ĐGN đã cho chị D vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng). Khi vay, chị D đã viết "Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương", theo phương thức trả hàng tháng, mỗi tháng 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn) trong 5 năm. Sau khi vay tiền, tháng thứ nhất chị D trả cho anh N số tiền 5 triệu, tháng thứ 2 chị D trả 7.500.000đ, tổng cộng chị D đã trả cho anh N 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), không ghi nhận bằng văn bản gì; từ tháng 6/2017 đến nay chị D không trả cho anh N thêm đồng nào nữa. Anh N có làm đơn đề nghị Cơ quan giải quyết nhưng chị D không có ý thức trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận. Anh N

khởi kiện, yêu cầu TAND huyện Lạc Thủy giải quyết, buộc chị D phải trả nợ cho anh N. Ban đầu, trong Đơn khởi kiện anh N trình bày: tiền gốc 300.000.000đ, cả tiền gốc và tiền lãi 07 tháng (tính đến thời điểm khởi kiện) là 329.400.000đ, chị D đã trả anh N 12.500.000đ, nay chị D còn nợ lại của anh số tiền 316.900.000. Về mức lãi, trong Đơn khởi kiện anh N ghi 10%/ tháng nhưng sau cùng, khi được Tòa án hỏi làm rõ về số tiền lãi là tính như thế nào thì anh N lại giải thích: khi viết giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương với chị D, anh N không tính cụ thể mức lãi là bao nhiêu phần trăm mà anh tính tương tự kiểu tính của Ngân hàng Hà Tây khi cho giáo viên vay tiền - theo cách hiểu của anh; sau đó ghi gộp cả gốc và lãi, chia phân kỳ trả nợ mỗi tháng là 7.500.000đ trong vòng 5 năm trả hết; chị D đồng ý, tự nguyện thỏa thuận, tự nguyện vay tiền, viết giấy và ký nhận; anh không ép buộc chị D và cho đến thời điểm hiện nay, ngoài số tiền 12.500.000đ chị D trả anh như nêu trên thì chị D cũng không trả thêm cho anh N được đồng nào nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị D không đến Tòa án, không thể đối chiếu nợ nên anh N tự nguyện trừ toàn bộ số tiền 12.500.000đ chị D đã trả vào nợ gốc và số tiền gốc chị D còn nợ anh N là: 287.500.000đ (hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Chốt lại yêu cầu cuối cùng của anh N là đề nghị TAND huyện Lạc Thủy buộc chị D phải trả cho anh N số tiền 287.500.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

` *Anh ĐGN xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau đây:*

- Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương (bản gốc);

- Đơn tố cáo, anh N tố cáo chị D đến Lãnh đạo, công đoàn, tổ bộ môn Nhà trường (bản gốc)

- Biên bản họp tổ khoa học xã hội và nhân văn (bản phô tô)

- Biên bản họp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo lần 2 của Trường THPT LT C (bản sao)

- Văn bản đề nghị của Nhà trường tới Tòa án về việc xem xét, giải quyết vụ việc vay tiền giữa anh N – chị D(bản chính).

- Sổ hộ khẩu anh N (bản sao);

- Giấy chứng minh thư nhân dân anh N (bản sao).

- Sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của chị D(bản phô tô).

2.Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn (chị D) không đến Tòa án, từ chối không làm việc với Tòa nhưng có gửi "Đơn phản tố" đề ngày 26/10/2017 qua đường Bưu điện với nội dung trình bày:

Ngày 25/10/2017, chị D có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 13 ngày 03/10/2017 của TAND huyện Lạc Thủy theo đơn khởi kiện của anh ĐGN. Sau khi đọc Thông báo thụ lý vụ án, chị D có "ý kiến phản tố" nguyên đơn như sau:

Đầu năm 2016 chị D có đặt vấn đề vay anh N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để giải quyết việc gia đình. Hai bên tự nguyện thỏa thuận hợp đồng vay mượn và anh N có yêu cầu chị Dphải trả lãi 5.000 đồng/1 triệu/ngày, vì khó khăn trong giải quyết việc gia đình nên chị Dđồng ý.

Một thời gian sau anh N hỏi chị D có vay nữa không? Chị D đồng ý vay thêm 40.000.000 đồng nữa để sửa chữa nhà ở vẫn mức lãi 5.000 đồng/ 1 triệu/

ngày.

Đến cuối năm 2016 anh N lại tiếp tục hỏi chị Dcó thiếu không? chị D lại tiếp tục vay thêm 80.000.000 đồng, với mức lãi là 3.000 đồng/ 1 triệu/ ngày.

Tổng số tiền chị Dvay của anh N là 180.000.000 đồng tiền gốc; đến tháng 4 năm 2017, anh N yêu cầu chị D trả cả gốc và lãi là 300.000.000 đồng và anh N ép chị Dviết giấy biên nhận, nếu không anh N thuê xã hội đen xử lý chị D. Vì lo sợ đến tính mạng nên chị D đành chấp nhận viết giấy nhận nợ. Sau khi viết giấy xong anh N yêu cầu chị D trả nợ, vì khó khăn nên chị D xin khất nợ; anh N thu hồi giấy khất nợ và đưa đơn đề nghị Trường THPT LT C can thiệp, giải quyết. Sau khi Trường THPT LT C lập biên bản giải quyết, anh N đã làm đơn kiện đến TAND huyện Lạc Thủy đòi tiền cho vay đối với chị D. Chị D đề nghị Tòa án bác đơn kiện đòi tiền cho vay của anh N với số tiền hơn 316.000.000 đồng vì không đúng sự thật. Trong "Đơn phản tố" này, chị D không trình bày về số tiền gốc, tiền lãi chị D đã trả anh N là bao nhiêu.

Ngoài nội dung trong "Đơn phản tố" nêu trên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng chị D không có lần nào có mặt theo thông báo, triệu tập của TAND huyện Lạc Thủy. Anh N có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 02/4/2018, TAND huyện Lạc Thủy đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ấn định ngày mở phiên tòa là ngày 23/4/2018. Quyết định xét xử cũng không thể tống đạt trực tiếp cho chị D mà phải niêm yết. Phiên tòa ngày 23/4/2018 chị D không đến và có một người mang đến Tòa án một Đơn xin hoãn phiên tòa đề tên chị D vì chị D bị ốm (không kèm theo chứng cứ, tài liệu gì), phiên tòa ngày 23/4/2018 đã hoãn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và ấn định ngày mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 22/5/2018. Cũng như những lần trước, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp nên đã tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị D cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

3. Những nội dung đương sự thừa nhận đồng thời là những tình tiết không phải chứng minh:

- Chị D thừa nhận "Đơn phản tố" đề ngày 26/10/2017 mà TAND huyện Lạc Thủy nhận được qua đường bưu điện là của chị D gửi đến, trong đơn "Đơn phản tố" chị D thừa nhận có được vay tiền của anh ĐGN là đồng nghiệp đang cùng công tác tại Trường THPT LT C.

4. Những nội dung không thống nhất:

- Anh N cho rằng chị Dvay của anh N 300.000.000đ tiền gốc, đã trả 12.500.000đ, không có văn bản, giấy tờ gì, không ghi nhận với nhau là trả gốc hay lãi, do chị D không đến Tòa án để giải quyết, không đối chiếu được nợ với chị D nên anh N tự nguyện trừ toàn bộ số tiền 12.500.000đ chị D đã trả vào tiền vay gốc và yêu cầu Tòa án buộc chị D phải trả cho anh N số tiền nợ gốc còn lại là: 287.500.000đ, không tính lãi từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Trong "Đơn phản tố" chị D không thừa nhận vay 300.000.000đ tiền gốc của anh N mà chỉ thừa nhận vay của anh N 180.000.000đ vào năm 2016 (số tiền này anh N cho chị Dvay ba lần: lần thứ nhất 10.000.000đ, lần thứ hai

40.000.000đ, lần thứ ba 80.000.000đ). Trong "Đơn phản tố" chị D không trình bày về số tiền gốc, tiền lãi đã trả; chị D đề nghị Tòa án bác yêu cầu đòi nợ của anh N với số tiền hơn 316.000.000đ như nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án.

5. Yêu cầu phản tố của chị D: chị D có "Đơn phản tố" với nội dung như trên nhưng không có lần nào đến theo triệu tập của Tòa án, từ chối làm việc với Tòa, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho "Đơn phản tố" của mình là có căn cứ.

6. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: đã bảo đảm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (TTDS). Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần những vẫn vắng mặt – vi phạm Điều 72 – Bộ luật TTDS.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 – Bộ luật TTDS ; Điều 463; Điều 466; Bộ luật dân sự 2015 (BLDS); Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án - chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của anh ĐGN và tính án phí theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận "Đơn phản tố" của chị D.

Tại phiên tòa, anh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày như trên. Chị D vắng mặt. HĐXX đã công bố lời khai của chị D theo "Đơn phản tố" và các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chị D cố tình vắng mặt không đến theo triệu tập của Tòa án. Anh N đã có ý kiến tranh luận đối với từng nội dung trình bày của chị Dthể hiện qua "Đơn phản tố".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thời hiệu giải quyết vụ án: "Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương" ngày 20/3/2017 do anh N xuất trình kèm theo Đơn khởi kiện là văn bản ghi nhận giao dịch dân sự (vay tiền) giữa hai bên (bên cho vay là anh N và bên vay là chị D); làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của mỗi bên và có ý nghĩa tương tự như một hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và điểm a Khoản 1 Điều 35 - Bộ luật TTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lạc Thủy. Tranh chấp phát sinh từ tháng 6/2017 do chị Dvi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngày 16/10/2017 vụ việc đã được TAND huyện Lạc Thủy thụ lý nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định Điều 429 – BLDS 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: chị D đã được TAND huyện Lạc Thủy triệu tập hợp lệ đến Tòa án để viết bản tự khai, lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải 2 lần, triệu tập tham gia phiên toà 2 lần nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do. Tòa án cũng nhiều lần đến tận nơi cư trú và nơi làm việc của chị D(đều có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương hoặc đại diện Trường THPT LT C) để thu thập chứng cứ từ chị D nhưng chỉ có duy nhất một lần gặp được chị D song chị D từ chối không làm việc với Tòa án mà chỉ nói lời xác nhận "Đơn phản tố" đúng là do chị gửi đến TAND huyện Lạc Thủy qua đường Bưu điện rồi chị D bỏ đi, không làm việc, không viết, không khai, không ký nhận gì. Các buổi làm việc đều có lập

biên bản lưu hồ sơ vụ án. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn chị D là hợp lệ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thỏa thuận giữa anh N và chị D là tự nguyện. Trong "Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương", thể hiện việc tính lãi trải đều, cố định tiền lãi hàng tháng trong suốt 5 năm là không phù hợp nhưng thực tế trong tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (kể cả Đơn phản tố của chị D) cũng không thể hiện việc chị D đã trả đồng tiền lãi nào cho anh N. Mặc dù chị Dkhông nhận vay của anh N 300.000.000đ nhưng trong "Đơn phản tố" chị D cũng thừa nhận có được vay tiền của anh N với số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và không xuất trình chứng cứ, tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của mình trong đơn là có căn cứ.

Trong "Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương", chị D ký tên "NTD" khác với tên "NTTD" Tòa án đã tiến hành thu thập văn bản chị D viết gửi Ban giám hiệu Trường THPT LT C thấy rằng: có văn bản chị Dký với tên "NTD", có văn bản lại ký tên "NTTD" .

Bên cạnh đó, anh N cũng có Đơn đề nghị giám định ngày 03/01/2018 để chứng minh "Giấy giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương" ngày 20/3/2017 là do chính chị D viết và ký.

TAND huyện Lạc Thủy đã thu thập mẫu giám định đồng thời có Quyết định trưng cầu giám định số 01/2018/QĐ-TCGĐ, yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hòa Bình thực hiện giám định:

- Chữ ký ở mục người làm đơn trong "Đơn phản tố" với chữ ký và chữ viết trong "Đơn xin nghỉ ốm", "Bản tự khai" và "Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ" có phải do một người viết, ký hay không?

.- Chữ viết, chữ ký trong "Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương" với với chữ ký và chữ viết trong "Đơn xin nghỉ ốm", "Bản tự khai" và "Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ" có phải do một người viết, ký hay không?"

Tại bản Kết luận giám định số 46/KLGĐ-CAT-PC54 ngày 18/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa Bình kết luận:

" *- Chữ ký dưới mục "Đơn phản tố" đề ngày 26/10/2017 cùng với chữ ký đứng tên NTD trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra.*

- Chữ viết, chữ ký đứng tên NTD trên Giấy thỏa thuận vay tiền trả góp bằng lương đề ngày 30/3/2017 với chữ viết, chữ ký đứng tên NTD trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra"

Xem xét toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, HĐXX xét thấy yêu cầu của anh N đòi chị D phải trả nợ gốc còn lại 287.500.000đ cho anh N là có căn cứ pháp luật, phù hợp với quy định tại điều 463 và Điều 466 – BLDS.

Anh N không yêu cầu tính lãi từ khi vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Đây là sự tự nguyện của anh N và không trái quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[4] Đối với nội dung trình bày và yêu cầu trong "Đơn phản tố" của chị D:

Luật tố tụng dân sự 2015 quy định tại:

Khoản 5 Điều 70: Đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

Khoản 2 Điều 91: Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Khoản 4 Điều 91: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Chị Dcố tình vắng mặt theo triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của mình nên HĐXX xét thấy những nội dung chị D nêu trong "Đơn phản tố" gửi qua đường bưu điện là không có căn cứ pháp luật.

[5] Về án phí dân sự:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh N không phải chịu án phí (Điều 147 - Luật tố tụng dân sự) và cần buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.375.000đ đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí 7.900.000đ anh N đã nộp theo biên lai thu số 0000788 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy cần tuyên trả lại cho anh N là phù hợp.

(Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án).

[6] Về chi phí giám định: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cũng cần buộc bị đơn là chị D phải trả số tiền chi phí giám định 5.000.000 đồng cho anh N theo quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên, HĐXX – Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 271- Bộ luật TTDS; Điều 463; Khoản 1 Điều 466 - BLDS; Khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh ĐGN đối với chị NTTD (NTD). Buộc chị D phải trả cho anh N số tiền vay gốc là : 287.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu chị D không trả cho anh N số tiền nêu trên thì hàng chị D còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 – BLDS, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[2]. *Về án phí*:

- Chị NTTD (NTD) phải chịu 14.375.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh ĐGN được trả lại 7.900.000đ tạm ứng án phí anh N đã nộp, theo biên lai thu số 0000788, ngày 16/10/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

[3]. *Về chi phí giám định*: Chị NTTD (NTD) phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000đ. Anh N đã nộp tạm ứng nên chị D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh N.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Quyền kháng cáo của chị D được tính từ ngày tống đạt hợp lệ Bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Lạc Thủy;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Đinh Lan Hương